

Bản án số: 02/2020/HS-PT.

Ngày: 02-01-2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vũ.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hùng Nuôi.

Ông Nguyễn Văn Dũ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Sơn-Thư ký Tòa án nhân D tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Ông Đào Tiến Thắng-Kiểm sát viên.

Trong ngày 02-01-2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 81/2019/TLPT-HS ngày 18-11-2019 đối với bị cáo Nhâm Hữu H và đồng phạm do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2019/HS-ST ngày 08-10-2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị cáo bị kháng nghị:

1. Nhâm Hữu H: Sinh năm: 1977; Nơi sinh: Sóc Trăng; Nơi cư trú: Khóm H, Phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Thợ bạc; Trình độ học vấn: 6/12; D tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nhâm S và bà Nguyễn Thị T; có vợ là bà Lê Thị PH M, sinh năm 1979 và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2006; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12-11-2018 đến ngày 18-11-2018 chuyển tạm giam cho đến nay. (có mặt)

2. Vương Thế P; Sinh năm: 1982; Nơi sinh: Sóc Trăng; Nơi cư trú: Khóm N, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 01/12; D tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Thành D và bà Vương Kim N; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12-11-2018 đến ngày 18-11-2018 chuyển tạm giam cho đến nay. (có mặt)

3. Trương Quân B; Tên gọi khác: Đ; Sinh ngày: 25-11-1980; Nơi sinh: Thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: ấp B, xã T, thành phố B, tỉnh Đồng

Nai; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 7/12; D tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trương Thành S và bà Phạm Thị L; có vợ là bà Dương Thị Kiều L, sinh năm 1984 (đã ly hôn); Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12-11-2018 đến ngày 18-11-2018 chuyển tạm giam cho đến nay. (có mặt)

4. Nguyễn Quốc T; Sinh ngày: 09-9-1978; Nơi sinh: Huyện T, tỉnh An Giang; Nơi cư trú: Khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 4/12; D tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q và bà H1uỳnh Thị Bé B; có vợ là bà H1uỳnh Thị Mỹ X, sinh năm 1981 và 03 người con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2013; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Lần 1, tại Bản án số 93/HSST ngày 19-5-1998 của Tòa án nhân D tỉnh An Giang, Nguyễn Quốc T bị xử phạt 05 năm tù về tội “Vi phạm quy định về an toàn giao thông vận tải” (chấp hành xong hình phạt tù ngày 30-4-2000, đã được xóa án tích); Lần 2, tại Bản án số 13/2009/HSST ngày 25-9-2009 của Tòa án Quân sự khu vực 2-Quân khu 9, Nguyễn Quốc T bị xử phạt 15 tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ” (chấp hành xong hình phạt tù ngày 29-6-2010, đã được xóa án tích); Lần 3, tại Bản án số 60/2013/HS-ST ngày 17-10-2013 của Tòa án nhân D huyện T, tỉnh An Giang, Nguyễn Quốc T bị xử phạt 09 tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ” (chấp hành xong hình phạt tù ngày 02-4-2014, đã được xóa án tích); Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12-11-2018 đến ngày 18-11-2018 chuyển tạm giam cho đến nay. (có mặt)

5. Phan Thanh T1; Tên gọi khác: N; Sinh ngày: 28-02-1997; Nơi sinh: Huyện Tn, tỉnh An Giang; Nơi cư trú: Khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; D tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Thanh S và bà H1uỳnh Thị Mộng C; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Tại Bản án số 09/2015/HS-ST ngày 31-3-2015 của Tòa án nhân D huyện Tr, tỉnh An Giang, Phan Thanh T1 bị xử phạt 01 năm tù về tội “Chống người thi hành công vụ” (chấp hành xong hình phạt tù ngày 03-02-2016, đã được xóa án tích); Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12-11-2018 đến ngày 18-11-2018 chuyển tạm giam cho đến nay. (có mặt)

6. Nguyễn Chí T2; Sinh ngày: 24-4-1987; Nơi sinh: Huyện T, tỉnh An Giang; Nơi cư trú: ấp N, xã T, huyện T, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 9/12; D tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H; có vợ là bà Dương Thị C, sinh năm 1989 và 01 người con sinh năm 2008; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12-11-2018 đến ngày 18-11-2018 chuyển tạm giam cho đến nay. (có mặt)

7. Nguyễn Thanh P11; Sinh ngày: 23-7-1995; Nơi sinh: An Giang; Nơi cư trú: Khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 12/12; D tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông NLQ18 và bà Phạm Thị P; Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12-11-2018 đến ngày 18-11-2018 chuyển tạm giam cho đến nay. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có liên quan đến kháng nghị:*

1. Bà NLQ1; Sinh năm: 1976; Nơi cư trú: Khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

2. Ông NLQ2; Sinh năm: 1986; Nơi cư trú: Phường 15, Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

3. Ông NLQ3; Sinh năm: 1988; Nơi cư trú: Ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

4. Bà NLQ4; Sinh năm: 1966; Nơi cư trú: Khóm B, Phường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

5. Bà NLQ5; Sinh năm: 1968; Nơi cư trú: Ấp A 2, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

6. Bà NLQ6; Sinh năm: 1975; Nơi cư trú: Ấp A 1, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

7. Bà NLQ7; Sinh năm: 1979; Nơi cư trú Khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

8. Ông NLQ8; Sinh năm: 1971; Nơi cư trú: Khóm B, Phường S, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

9. Bà NLQ9; Sinh năm: 1972; Nơi cư trú: Khóm H, Phường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

10. Ông NLQ10; Sinh năm: 1995; Nơi cư trú: Khóm H, Phường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

11. Ông NLQ11; Sinh năm: 1951; Nơi cư trú: Khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

12. Ông NLQ12; Sinh năm: 1988; Nơi cư trú: Khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

13. Ông NLQ13; Sinh năm: 1964; Nơi cư trú: Khóm H, Phường T, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

14. Ông NLQ14; Sinh năm: 1980; Nơi cư trú: Khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

15. Bà NLQ15; Sinh năm: 1991; Nơi cư trú: Khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

16. Bà NLQ16; Sinh năm: 1973; Nơi cư trú: Khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

17. Ông NLQ17; Sinh năm: 1985; Nơi cư trú: Khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

18. Ông NLQ18; Sinh năm: 1973; Nơi cư trú: Khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

19. Ông NLQ19; Sinh năm: 1981; Nơi cư trú: Ấp H, thị trấn K, huyện P, tỉnh Hậu Giang. (vắng mặt)

20. Ông NLQ20; Sinh năm: 1981; Nơi cư trú: Khóm M, Phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

21. Bà NLQ21 Sinh năm: 1955; Nơi cư trú: Thôn H, huyện H, tỉnh Bình Thuận. (vắng mặt)

- *Người làm chứng có liên quan đến kháng nghị:*

1. Ông NLC1; Sinh năm: 1993; Nơi cư trú: Ấp H, xã N, huyện MX, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

2. Ông NLC2; Sinh năm: 1974; Nơi cư trú: ấp A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. (vắng mặt)

3. Ông NLC3; Sinh năm: 1962; Nơi cư trú: Ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

4. Ông NLC4; Sinh năm: 1967; Nơi cư trú: Ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

5. Bà NLC5; Sinh năm: 1963; Nơi cư trú: Khóm N, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện C, tỉnh Sóc Trăng đã điều tra, làm rõ nội dung vụ án như sau:

Các bị cáo Nguyễn Quốc T, Phan Thanh T1 và Nguyễn Chí T2 khai nhận: Vào khoảng tháng 10-2018, các bị cáo được người phụ nữ tên H1 làm nghề buôn bán hàng hóa ở khu vực chợ thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang (không xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể) thuê điều khiển xe ô tô để vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu (gồm các nhãn hiệu JET, HERO và SCOTT) từ An Giang đến Sóc Trăng để giao cho đối tượng tên L (không xác định họ tên, địa chỉ cụ thể). Sau đó, T rủ bị cáo Nguyễn Thanh P11 cùng tham gia để phụ giúp lái xe và vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu, thì P đồng ý.

Bị cáo Nhâm Hữu H khai nhận: Vào khoảng tháng 10-2018, bị cáo H được người đàn ông tên D ở thành phố Cần Thơ (không xác định họ tên, địa chỉ cụ thể) rủ H tham gia buôn bán thuốc lá điều nhập lậu, đồng thời D bảo H tìm thuê nhà kho ở địa phận thuộc tỉnh Sóc Trăng để làm địa điểm giao dịch buôn bán, chứa thuốc lá và tìm kiếm người mua để bán thuốc lá, sau đó D sẽ chi trả cho H với số tiền là 1.000 đồng/bao thuốc lá, thì H đồng ý. Sau đó, H thuê nhà kho của bà NLQ4 ở khu vực ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng để làm địa điểm thực

hiện giao dịch buôn bán thuốc lá điều nhập lậu. Đồng thời, H thuê bị cáo Vương Thế P cùng tham gia giúp sức trong việc buôn bán thuốc lá, thì P đồng ý. Bị cáo H xác định Lê D (Tên gọi khác: L) không có tham gia trong việc mua bán thuốc lá điều nhập lậu.

Bị cáo Trương Quân B khai nhận: Thông qua mối quan hệ quen biết và giới thiệu của người tên D ở thành phố Cần Thơ (không xác định họ tên, địa chỉ cụ thể), B đến Sóc Trăng làm thuê, giúp sức trong việc buôn bán thuốc lá điều nhập lậu cho Lê D (Tên thường gọi: L), D sẽ trả tiền công cho B là 12.000.000 đồng/tháng, nhiệm vụ của B là trông giữ nhà kho và kiểm đếm, sắp xếp thuốc lá điều nhập lậu, khi người khác mang đến giao bán cho D tại nhà kho do H thuê của bà NLQ4.

Cụ thể hành vi của các bị cáo đã thực hiện như sau:

- Vào khoảng 16 giờ ngày 11-11-2018, người phụ nữ tên H1 nhắn tin vào thuê bao điện thoại di động của bị cáo Phan Thanh T1 để thuê T1 đi vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu từ An Giang đến Sóc Trăng giao cho người tên L, thì T1 đồng ý và bà H1 cho T1 biết địa điểm giao thuốc lá là tại nhà kho do bị cáo H đã thuê. Tiếp đó, bà H1 điện thoại thuê bị cáo Nguyễn Quốc T cùng đi với T1 để vận chuyển thuốc lá, đồng thời bà H1 bảo T điều khiển xe ô tô đi phía trước để cảnh giới, canh đường, đề lẩn tránh lực lượng công an. Trước đó, bà H1 có báo với T biết là xe ô tô chở thuốc lá của bà H1 đã đậu ở đoạn đường vắng trong Khu công nghiệp T, thuộc huyện T, tỉnh An Giang. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, T điện thoại rủ bị cáo Nguyễn Chí T2 và bị cáo Nguyễn Thanh P11 cùng đi vận chuyển thuốc lá thuê cho bà H1, thì T2 và P đồng ý. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, T điều khiển xe ô tô nhãn hiệu INOVA, biển kiểm soát 83A-xxx.xx đến đón Nguyễn Thanh P11 và T1 tại khu vực chợ T, còn T2 thì đi đến Khu công nghiệp T để lấy xe ô tô nhãn hiệu MERCEDES, biển kiểm soát 67B-xxx.xx, trên xe có chứa 26.990 bao thuốc lá điều nhập lậu được đựng trong các túi nilon và điện thoại di động để liên lạc. Sau đó, T2 điều khiển xe chạy về hướng tỉnh Sóc Trăng, T1 và Nguyễn Thanh P11 điều khiển xe đi trước để canh đường còn T2 điều khiển xe chạy phía sau. Đến khoảng 03 giờ ngày 12-11-2018, khi gần đến nhà kho của H thuê ở ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, thì T1 điện thoại thông báo cho H biết. Sau đó, H B Vương Thế P điều khiển xe mô tô H đến nhà kho để nhận thuốc lá. Khi đến nơi, Vương Thế P mở cửa nhà kho thì lúc này gặp B tại đây (do B có nhiệm vụ trông giữ nhà kho). Đến khoảng 04 giờ ngày 12-11-2018, khi T điều khiển xe ô tô đến nơi thì T dừng xe cho T1 và Thanh P1 đi vào kho, còn T điều khiển xe chạy qua khỏi nhà kho thì dừng xe lại chờ. Lúc này, T2 cũng vừa đến nơi và điều khiển xe ô tô chạy vào nhà kho thì Thế P đóng cửa lại. Sau đó, T2, T1 và Thanh P1 chuyển toàn bộ số thuốc lá từ trên xe ô tô xuống giao cho H, Thế P và B nhận, phân loại, sắp xếp theo từng nhãn hiệu thuốc lá. Sau khi giao nhận thuốc lá xong, Thế P mở cửa nhà kho để T2 điều khiển xe chạy ra về, thì lúc này lực lượng Công an huyện C, tỉnh Sóc Trăng tiến hành kiểm tra và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và tạm giữ số lượng 26.990 bao thuốc lá điều nhập lậu (trong đó, nhãn hiệu JET là 5.990

bao, nhãn hiệu HERO là 17.000 bao và nhãn hiệu SCOTT là 4000 bao), 02 xe ô tô nói trên và các vật chứng khác có liên quan.

- Trong quá trình điều tra, các bị cáo Nguyễn Quốc T, Phan Thanh T1, Nguyễn Chí T2, Nguyễn Thanh P11, Nhâm Hữu H và Vương Thế P còn khai nhận trước ngày bị bắt quả tang (ngày 12-11-2018), tại nhà kho do bị cáo Nhâm Hữu H thuê thuộc thuộc ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, các bị cáo còn 02 lần nữa thực hiện hành vi buôn bán và vận chuyển hàng cấm là thuốc lá điều nhập lậu, cụ thể như sau:

+ Trước ngày các bị cáo bị bắt quả tang 15 ngày, sau khi được bà H1 thuê vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu, thì T điều khiển xe ô tô, biển kiểm soát 83A-031.75 chở T1 và Nguyễn Thanh P11 chạy phía trước để cảnh giới, canh đường, còn T2 thì điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 67B-xxx.xx (trên xe có chứa 7.000 bao thuốc lá, gồm các nhãn hiệu JET, HERO và SCOTT) đến Sóc Trăng giao cho H và Thế P tại nhà kho do H thuê ở ở ấp P, xã A, huyện C. Sau khi nhận được thuốc lá nói trên, H điện thoại thông báo cho D biết. Sau đó, D bảo H mang số lượng 1.500 bao thuốc đến giao bán cho người đàn ông ở khu vực gần chợ Bó Thảo, thuộc ấp X, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (không xác định họ tên, địa chỉ cụ thể). Sau đó, bị cáo H bảo Thế P 02 lần điều khiển xe mô tô chở số lượng 1.500 bao thuốc lá đến giao bán cho người đàn ông nói trên và bị cáo H được D chia thu lợi bất chính với số tiền là 1.000.000 đồng và bị cáo H trả công cho bị cáo Thế P với số tiền là 200.000 đồng. Đối với các bị cáo T1, T và T2 sau khi về đến thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang, thì bà H1 đã trả tiền công cho bị cáo T1 500.000 đồng, cho bị cáo T2 900.000 đồng và trả tiền công cho bị cáo T 500.000 đồng. Sau đó, bị cáo T lấy số tiền này trả tiền công cho bị cáo Thanh P1 200.000 đồng.

- Trước ngày các bị cáo bị bắt quả tang 07 ngày, sau khi được bà H1 thuê vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu, thì bị cáo T điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 83A-031.75 chở các bị cáo T1 và Thanh P1 chạy phía trước để cảnh giới, canh đường, còn T2 thì điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 67B-xxx.xx (trên xe có chứa 7.000 bao thuốc lá, gồm các nhãn hiệu JET, HERO và SCOTT) đến Sóc Trăng giao cho H và Thế P tại nhà kho do H thuê ở ở ấp P, xã A, huyện C. Sau khi nhận thuốc lá đã báo cho D biết, lần này bị cáo H được D chia số tiền 1.000.000 đồng và bị cáo H trả tiền công cho bị cáo Thế P 300.000 đồng. Sau khi về đến thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang, thì bà H1 trả tiền công cho bị cáo T1 500.000 đồng, trả tiền công cho bị cáo T2 1.100.000 đồng và trả tiền công cho bị cáo T 500.000 đồng. Sau đó, bị cáo T lấy số tiền này trả công cho bị cáo Thanh P1 200.000 đồng.

Trong khoảng thời gian từ cuối tháng 10-2018 đến ngày 12-11-2018, các bị cáo Nguyễn Quốc T, Phan Thanh T1, Nguyễn Chí T2 và Nguyễn Thanh P1 đã 03 lần thực hiện hành vi vận chuyển thuê thuốc lá điều nhập lậu cho bà H1 từ huyện T, tỉnh An Giang đến huyện C, tỉnh Sóc Trăng giao cho Nhâm Hữu H với tổng số lượng là 40.990 bao. Bị cáo Nhâm Hữu H đã 03 lần thực hiện hành vi buôn bán thuốc lá điều nhập lậu với tổng số lượng là 40.990 bao. Bị cáo Vương

Thế P đã 03 lần cùng bị cáo Nhâm Hữu H giao nhận thuốc lá điều nhập lậu do bị cáo H mua bán với số lượng là 40.990 bao. Bị cáo Trương Quân B 01 lần cùng bị cáo Nhâm Hữu H giao nhận thuốc lá điều nhập lậu do bị cáo H mua bán với số lượng là 26.990 bao.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2019/HS-ST ngày 08-10-2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

- Tuyên bố các bị cáo Nhân Hữu H, Vương Thế P và T1 Quân. B phạm tội “Buôn bán hàng cấm”; tuyên bố các bị cáo Nguyễn Quốc T, Phan Thanh T1, Nguyễn Chí T2 và Nguyễn Thanh P1 phạm tội “Vận chuyển hàng cấm”.

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 190; các điểm r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nhân Hữu H và Vương Thế P.

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 190; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trương Quân B.

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 191; các điểm r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 38, Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Quốc T, Phan Thanh T1, Nguyễn Chí T2 và Nguyễn Thanh P1.

- Xử phạt các bị cáo:

- + Bị cáo Nhâm Hữu H 06 (Sáu) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12-11-2018.

- + Bị cáo Vương Thế P 06 (Sáu) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12-11-2018.

- + Bị cáo Trương Quân B 08 (Tám) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12-11-2018.

- + Bị cáo Nguyễn Quốc T 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12-11-2018.

- + Bị cáo Phan Thanh T1 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12-11-2018.

- + Bị cáo Nguyễn Chí T2 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12-11-2018.

- + Bị cáo Nguyễn Thanh P1 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12-11-2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 06/QĐ-VKS-ST ngày 06-11-2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã kháng nghị đối với Bản án số 23/2019/HS-ST ngày 08-10-2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh

Sóc Trăng đề nghị Tòa án nhân D tỉnh Sóc Trăng căn cứ điểm a, điểm b khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại bởi các lý do sau:

1. Các bị cáo Nguyễn Quốc T và Phan Thanh T1 biết rõ mục đích của bà H1 thuê vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu đến Sóc Trăng là để buôn bán mà vẫn giúp sức nên hành vi của các bị cáo cấu thành tội “Buôn bán hàng cấm”, việc cấp sơ thẩm điều tra, truy tố, xét xử hai bị cáo về tội “Vận chuyển hàng cấm” là có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật.

2. Các bị cáo Nhâm Hữu H, Vương Thế P và Trương Quân B đồng phạm tội “Buôn bán hàng cấm” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 190 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Trong đó, H và P có ba lần phạm tội với số lượng hàng phạm pháp là 40.990 bao thuốc lá điều nhập lậu nhưng cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt các bị cáo 06 năm 06 tháng tù, trong khi bị cáo B chỉ phạm tội 01 lần nhưng cấp xử phạt lại xử phạt bị cáo B 08 năm tù. Việc cấp sơ thẩm xử phạt H và P 06 năm 06 tháng tù là không đúng với tính chất, mức độ tham gia trong vụ án, lẽ ra hai bị cáo phải bị xử phạt mức hình phạt cao hơn bị cáo B mới phù hợp.

3. Việc điều tra ở cấp sơ thẩm không đầy đủ mà cấp phúc thẩm không bổ sung được vì Giấy xác nhận kết quả thi hành án phần án phí đối với các bị cáo Phan Thanh T1 và Nguyễn Quốc T không xác định ngày thi hành nên không đủ căn cứ để xác định các bị cáo đã được xóa án tích khi phạm tội mới hay chưa.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Mặc dù, Tòa án cấp phúc thẩm đã thu thập chứng cứ bổ sung về thông tin thi hành án của các bị cáo T và T1, có đủ căn cứ các bị cáo T và T1 đã được xóa án tích khi phạm tội trong vụ án này. Tuy nhiên, qua các lời khai trong quá trình điều tra cho thấy các bị cáo Nguyễn Quốc T và Phan Thanh T1 biết rõ mục đích của bà H1 thuê vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu đến Sóc Trăng là để buôn bán mà vẫn giúp sức nên hành vi của các bị cáo cấu thành tội “Buôn bán hàng cấm”, việc cấp sơ thẩm điều tra, truy tố, xét xử hai bị cáo về tội “Vận chuyển hàng cấm” là có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật; Các bị cáo Nhâm Hữu H, Vương Thế P và Trương Quân B đồng phạm tội “Buôn bán hàng cấm” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 190 của Bộ luật Hình sự năm 2015, trong đó H và P có ba lần phạm tội với số lượng là 40.990 bao thuốc lá điều nhập lậu nhưng cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo 06 năm 06 tháng tù là thấp, không đúng với tính chất, mức độ tham gia trong vụ án. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Xét sự vắng mặt của họ không gây cản trở cho việc xét xử vụ án, căn cứ vào Điều 352 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về tính hợp pháp của kháng nghị và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 06/QĐ-VKS-ST ngày 06-11-2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng được chuyển đến Tòa án cấp sơ thẩm vào ngày 06-11-2019 là đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn, nội dung kháng nghị theo quy định tại các điều 336 và 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm tiến hành xem xét, giải quyết kháng nghị theo quy định.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo Nhâm Hữu H, Vương Thế P, Trương Quân B, Nguyễn Quốc T, Phan Thanh T1, Nguyễn Chí T2 và Nguyễn Thanh P1: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Quốc T, Phan Thanh T1, Nguyễn Chí T2 và Nguyễn Thanh P1 đã khai nhận được bà H1 (không rõ nhân thân, lai lịch) thuê vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu từ Khu công nghiệp T, tỉnh An Giang đến Sóc Trăng giao tại Nhà kho do Nhâm Hữu H thuê ở ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng 03 lần đi vào đêm hôm trước và giao hàng vào rạng sáng hôm sau, cụ thể vào các ngày 12-11-2018 với số lượng là 26.990 bao thuốc lá điều nhập lậu, trước ngày 12-11-2018 15 ngày với số lượng là 7.000 bao thuốc lá điều nhập lậu và trước ngày 12-11-2018 07 ngày với số lượng là 7.000 bao thuốc lá điều nhập lậu. Vào ngày 12-11-2018, các bị cáo Nhâm Hữu H, Vương Thế P và Trương Quân B trực tiếp nhận thuốc lá điều nhập lậu do các bị cáo T giao xong thì bị bắt quả tang; còn hai lần trước là do H và Vương Thế P trực tiếp nhận hàng. Bị cáo H xác định thuốc lá điều nhập lậu mà bị cáo H nhận tại kho là do ông D (không rõ nhân thân, lai lịch) là người mua bán, còn bị cáo H chỉ là người trực tiếp giao nhận hàng và được trả tiền thù lao. Các bị cáo Vương Thế P và B xác định được ông D thuê để giúp cho việc chuyển hàng phục vụ cho việc mua bán thuốc lá điều nhập lậu của ông D. Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà cơ quan điều tra đã thu thập được. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận các bị cáo Nhâm Hữu H, Vương Thế P, Trương Quân B phạm tội “Buôn bán hàng cấm” theo điểm b khoản 3 Điều 190 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và các bị cáo Nguyễn Chí T2, Nguyễn Thanh P1 phạm tội “Vận chuyển hàng cấm” theo điểm b khoản 3 Điều 191 của Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét tại phiên tòa và trong quá trình điều tra, các bị cáo T và T1 thừa nhận biết bà H1 là người buôn bán hàng cấm là thuốc lá điều nhập lậu, nhưng 03 lần được bà H1 thuê vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu từ huyện T, tỉnh An Giang xuống Sóc Trăng thì các bị cáo chỉ biết là chuyển thuốc lá xuống Sóc Trăng và có người nhận chứ không rõ việc bà H1 giao hàng cho người mua hay cho người quản

lý Kho hàng của bà H1 ở Sóc Trăng, xong công việc T và T1 được bà H1 trả thù lao cho mỗi chuyến vận chuyển. Như vậy, chưa có đầy đủ cơ sở để xác định các bị cáo T và T1 biết rõ việc bà H1 thuê vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu từ huyện T, tỉnh An Giang xuống Sóc Trăng là giao cho người mua mà vẫn cố ý giúp sức cho hành vi buôn bán hàng cấm của bà H1 như kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng. Do đó, việc Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định các bị cáo T và T1 phạm tội “Vận chuyển hàng cấm” theo điểm b khoản 3 Điều 191 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Như vậy, cấp sơ thẩm đã định tội danh đúng đối với các bị cáo T và T1 nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng nghị đề nghị hủy án sơ thẩm để điều tra lại.

[5] Xét các bị cáo Nhâm Hữu H, Vương Thế P và Trương Quân B đồng phạm tội “Buôn bán hàng cấm” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 190 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), trong đó H và P có ba lần phạm tội với số lượng hàng phạm pháp là 40.990 bao thuốc lá điều nhập lậu. Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ điểm b khoản 3 Điều 190, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo B 08 năm tù là đúng quy định của pháp luật, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo B, cũng như đặc điểm nhân thân của bị cáo B và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo B được áp dụng. Đối với các bị cáo H và Vương Thế P phạm tội ba lần và giữ vai trò lớn hơn bị cáo B mặc dù các bị cáo tự thú nhưng cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt các bị cáo 06 năm 06 tháng tù là quá nhẹ, không phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, cũng như đặc điểm nhân thân của các bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được áp dụng. Do đó, việc đại diện Viện kiểm sát cho rằng việc quyết định hình phạt đối với bị cáo H và Vương Thế P là thấp, đáng lẽ phải ở mức hình phạt cao hơn bị cáo B là có căn cứ. Tuy nhiên, đại diện Viện kiểm sát đề nghị hủy án sơ thẩm với lý do này là không cần thiết, làm kéo dài thời gian giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng nghị của đại diện Viện kiểm sát, sửa bản án sơ thẩm và quyết định tăng hình phạt đối với các bị cáo H và Vương Thế P.

[6] Theo kết quả thu thập, chứng cứ bổ sung cho thấy, các bị cáo T và T1 đều đã chấp hành xong phần án phí của các bản án trước đây trước khi phạm tội trong vụ án này nên Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định các bị cáo đã được xóa án tích là có căn cứ.

[7] Trong vụ án này, mặc dù các bị cáo T, T1, T2 và Nguyễn Thanh P11 tự thú sau khi phạm tội nhưng các bị cáo phạm tội ba lần thuộc trường hợp “Phạm tội hai lần trở lên” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt các bị cáo dưới khung hình phạt ở mức án 03 năm 06 tháng tù về tội “Vận chuyển hàng cấm” là thấp, không phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, cũng như

đặc điểm nhân thân của các bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được áp dụng. Tuy nhiên, do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng không có kháng nghị vấn đề này nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có thẩm quyền sửa bản án sơ thẩm, quyết định tăng hình phạt đối với các bị cáo T, T1, T2 và Nguyễn Thanh P1. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xem xét kháng nghị phần này của bản án sơ thẩm theo trình tự giám đốc thẩm.

[8] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[9] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 06/QĐ-VKS-ST ngày 06-11-2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng. Sửa phần áp dụng điều luật và quyết định hình phạt đối với các bị cáo Nhâm Hữu H và Vương Thế P của Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2019/HS-ST ngày 08-10-2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 190; điểm r, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nhâm Hữu H. Xử phạt bị cáo Nhâm Hữu H 09 (Chín) năm tù về tội “Buôn bán hàng cấm”, thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 12-11-2018.

- Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 190; điểm r, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Vương Thế P. Xử phạt bị cáo Vương Thế P 08 (Tám) năm tù về tội “Buôn bán hàng cấm”, thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 12-11-2018.

- Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 190; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trương Quân B (Tên gọi khác: Đ). Xử phạt bị cáo Trương Quân B (Tên gọi khác: Đ) 08 (Tám) năm tù về tội “Buôn bán hàng cấm”, thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 12-11-2018.

- Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 191; điểm r, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Quốc T. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Vận chuyển hàng cấm”, thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 12-11-2018.

- Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 191; điểm r, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Phan Thanh T1 (Tên gọi khác: N). Xử phạt bị cáo Phan Thanh T1 (Tên gọi khác: N) 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Vận chuyển hàng cấm”, thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 12-11-2018.

- Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 191; điểm r, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Chí T2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí T2 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Vận chuyển hàng cấm”, thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 12-11-2018.

- Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 191; điểm r, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Thanh P1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh P1 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Vận chuyển hàng cấm”, thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 12-11-2018.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Các bị cáo Nhâm Hữu H, Vương Thế P, Trương Quân B (Tên gọi khác: Đ), Nguyễn Quốc T, Phan Thanh T1 (Tên gọi khác: N), Nguyễn Chí T2 và Nguyễn Thanh P1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01)
- TAND huyện C (02);
- VKSND huyện C (01);
- CQĐT - Công an huyện C (01);
- CQTHAHS-Công an huyện C (07)
- Chi cục THADS huyện C (01);
- Các Bị cáo, NLQ (30).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Thanh Vũ

- PKTNV-THA-TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- CQTHAHS- Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- PHSNV-Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Sở Tư pháp (01);
- Lưu hs, THS (04);